

**Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp.**

(Kèm Báo cáo số 07/BC-THTA3 ngày 28/8/2025 của trường TH Tân An 3)

	Tổng số học sinh	Lớp 1				Lớp 2				Lớp 3				Lớp 4				Lớp 5				
		Tổng số	Tron	TL	Đôi sánh	Tổng số	Tron	TL	Đôi sánh	Tổng số	Tron	TL	Đôi sánh	Tổng số	Tron	TL	Đôi sánh	Tổng số	Tron	TL	Đôi sánh	
			g				g				g				g				g			g
<b><i>1. Kết quả học tập</i></b>																						
<b><i>1. Tiếng Việt</i></b>	<b>34</b>	68	36			69	28			68	27			71	40			73	37			
Hoàn thành tốt	<b>99</b>	26	14	38.2	8.1	17	8	24.6	-1.1	19	11	27.9	0.8	17	14	23.9	-0.7	20	12	27.4	-0.1	
Hoàn thành	<b>24</b>	39	21	57.4	-	52	20	75.4	2.6	49	16	72.1	0.6	54	26	76.1	0.7	53	25	72.6	0.1	
Chưa hoàn thành	<b>3</b>	3	1	4.4	2.8	0	0	0.0	-1.5	0	0	0.0	-1.4	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	
<b><i>2. Toán</i></b>	<b>34</b>	68	36			69	28		0.0	68	27			71	40			73	37			
Hoàn thành tốt	<b>10</b>	26	15	38.2	9.7	21	8	30.4	0.1	19	8	27.9	6.5	19	15	26.8	0.6	19	10	26.0	-5.9	
Hoàn thành	<b>24</b>	40	20	58.8	-	48	20	69.6	-0.1	49	19	72.1	-6.5	52	25	73.2	-0.6	54	27	74.0	5.9	
Chưa hoàn thành	<b>2</b>	2	1	2.9	1.4	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	
<b><i>3. Ngoại ngữ 1</i></b>	<b>21</b>									68	27			71	40			73	37			
Hoàn thành tốt	<b>91</b>									31	17	45.6	45.6	32	20	45.1	0.5	28	16	38.4	-9.5	
Hoàn thành	<b>12</b>									37	10	54.4	54.4	39	20	54.9	-0.5	45	21	61.6	9.5	
Chưa hoàn thành	<b>0</b>									0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	

<b>4. Đạo đức</b>	<b>34 9</b>	68	36		0.0	69	28			68	27			71	40		0.0	73	37		0.0
Hoàn thành tốt	<b>11 7</b>	29	17	42.6	42. 6	25	14	36.2	36.2	23	11	33.8	33.8	19	15	26.8	-2.5	21	12	28.8	-4.6
Hoàn thành	<b>23 2</b>	39	19	57.4	57. 4	44	14	63.8	63.8	45	16	66.2	66.2	52	25	73.2	2.5	52	25	71.2	4.6
Chưa hoàn thành	<b>0</b>	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0
<b>5. Lịch sử và Địa lí</b>	<b>14 4</b>													71	40		0.0	73	37		0.0
Hoàn thành tốt	<b>46</b>													18	14	25.4	-7.0	28	18	38.4	-6.6
Hoàn thành	<b>98</b>													53	26	74.6	7.0	45	19	61.6	6.6
Chưa hoàn thành	<b>0</b>													0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0
<b>6. Tự nhiên và Xã hội</b>	<b>20 5</b>	68	36			69	28			68	27			0	0	0.0		0	0	0.0	
Hoàn thành tốt	<b>76</b>	22	12	32.4	3.8	27	12	39.1	4.3	27	14	39.7	5.4			0.0	0.0			0.0	0.0
Hoàn thành	<b>12 9</b>	46	24	67.6	-3.8	42	16	60.9	-4.3	41	13	60.3	-5.4			0.0	0.0			0.0	0.0
Chưa hoàn thành	<b>0</b>	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0			0.0	0.0			0.0	0.0
<b>7. Tin học và Công nghệ (Tin học)</b>	<b>21 2</b>									68	27			71	40			73	37		
Hoàn thành tốt	<b>62</b>									20	9	29.4	29.4	23	18	32.4	-1.5	19	8	26.0	-0.1
Hoàn thành	<b>15 0</b>									48	18	70.6	70.6	48	22	67.6	1.5	54	29	74.0	0.1
Chưa hoàn thành	<b>0</b>									0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0
<b>8. Tin học và Công nghệ (Công nghệ)/ Kỹ thuật</b>	<b>21 2</b>									68	27			71	40			73	37		
Hoàn thành tốt	<b>68</b>									23	11	33.8	33.8	23	17	32.4	0.1	22	10	30.1	6.9
Hoàn thành	<b>14 4</b>									45	16	66.2	66.2	48	23	67.6	-0.1	51	27	69.9	-6.9
Chưa hoàn thành	<b>0</b>									0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0
<b>9. Giáo dục thể chất</b>	<b>34 9</b>	68	36			69	28		0.0	68	27		0.0	71	40		0.0	73	37		0.0

Hoàn thành tốt	97	17	11	25.0	-0.4	20	11	29.0	3.2	26	14	38.2	12.5	17	14	23.9	-0.7	17	9	23.3	-1.4
Hoàn thành	25 2	51	25	75.0	0.4	49	17	71.0	-3.2	42	13	61.8	-12.5	54	26	76.1	0.7	56	28	76.7	1.4
Chưa hoàn thành	0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0
<b>10. Khoa học</b>	14 4									0	0	0.0		71	40			73	37		
Hoàn thành tốt	42											0.0	0.0	17	14	23.9	-5.3	25	14	34.2	-7.8
Hoàn thành	10 2											0.0	0.0	54	26	76.1	5.3	48	23	65.8	7.8
Chưa hoàn thành	0											0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0
<b>11. Âm nhạc</b>	34 9	68	36			69	28			68	27			71	40			73	37		
Hoàn thành tốt	93	17	11	25.0	-0.4	20	11	29.0	1.7	23	14	33.8	12.4	16	14	22.5	-0.5	17	9	23.3	10.2
Hoàn thành	25 6	51	25	75.0	0.4	49	17	71.0	-1.7	45	13	66.2	-12.4	55	26	77.5	0.5	56	28	76.7	-10.2
Chưa hoàn thành	0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0
<b>12. Mỹ thuật</b>	34 9	68	36			69	28			68	27			71	40			73	37		
Hoàn thành tốt	99	18	12	26.5	1.1	23	13	33.3	4.5	22	11	32.4	9.5	19	15	26.8	2.1	17	9	23.3	8.8
Hoàn thành	25 0	50	24	73.5	-1.1	46	15	66.7	-4.5	46	16	67.6	-9.5	52	25	73.2	-2.1	56	28	76.7	-8.8
Chưa hoàn thành	0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0
<b>13. Hoạt động trải nghiệm</b>	34 9	68	36			69	28			68	27		0.0	71	40		0.0	73	37		
Hoàn thành tốt	11 6	25	15	36.8	9.8	25	11	36.2	-10.7	27	14	39.7	9.7	18	15	25.4	2.3	21	12	28.8	
Hoàn thành	23 3	43	21	63.2	-9.8	44	17	63.8	10.7	41	13	60.3	-9.7	53	25	74.6	-2.3	52	25	71.2	
Chưa hoàn thành	0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	
<b>II. Năng lực cốt lõi</b>				0.0	0.0			0.0	0.0			0.0	0.0			0.0	0.0			0.0	
<b>1. Tự chủ và tự học</b>	34 9	68	36		0.0	69	28			68	27			71	40			73	37		
Tốt	10 0	23	13	33.8	6.8	15	7	21.7	-4.0	25	14	36.8	11.1	18	14	25.4	2.3	19	11	26.0	

Đạt	<b>24</b> <b>6</b>	42	22	61.8	-9.7	54	21	78.3	4.0	43	13	63.2	-9.6	53	26	74.6	-2.3	54	26	74.0	
Cần cố gắng	<b>3</b>	3	1	4.4	2.8	0	0	0.0	-1.5	0	0	0.0	-1.4	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	
<b>2. Giao tiếp và hợp tác</b>	<b>34</b> <b>9</b>	68	36			69	28			68	27		0.0	71	40		0.0	73	37		
Tốt	<b>96</b>	23	13	33.8	5.3	16	8	23.2	-2.6	20	10	29.4	2.3	18	15	25.4	0.7	19	11	26.0	
Đạt	<b>25</b> <b>3</b>	45	23	66.2	-5.3	53	20	76.8	1.1	48	17	70.6	-2.3	53	25	74.6	-0.7	54	26	74.0	
Cần cố gắng	<b>0</b>	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	
<b>3. GVĐ và sáng tạo</b>	<b>34</b> <b>9</b>	68	36			69	28			68	27		0.0	71	40		0.0	73	37		
Tốt	<b>87</b>	19	12	27.9	1.0	15	7	21.7	-2.5	17	8	25.0	0.7	18	14	25.4	2.3	18	10	24.7	
Đạt	<b>25</b> <b>9</b>	46	23	67.6	-3.8	54	21	78.3	1.0	51	19	75.0	0.7	53	26	74.6	-2.3	55	27	75.3	
Cần cố gắng	<b>3</b>	3	1	4.4	2.8	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	-1.4	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	
<b>4. Ngôn ngữ</b>	<b>34</b> <b>9</b>	68	36			69	28		-1.5	68	27		0.0	71	40		0.0	73	37		
Tốt	<b>99</b>	26	14	38.2	9.7	17	8	24.6	-1.1	19	11	27.9	2.2	17	14	23.9	-0.7	20	12	27.4	
Đạt	<b>24</b> <b>7</b>	39	21	57.4	-12.5	52	20	75.4	1.1	49	16	72.1	-0.8	54	26	76.1	0.7	53	25	72.6	
Cần cố gắng	<b>3</b>	3	1	4.4	2.8	0	0	0.0	-1.5	0	0	0.0	-1.4	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	
<b>5. Tính toán</b>	<b>34</b> <b>9</b>	68	36			69	28		-1.5	68	27		0.0	71	40		0.0	73	37		
Tốt	<b>10</b> <b>4</b>	26	15	38.2	9.7	21	8	30.4	0.1	19	8	27.9	6.5	19	15	26.8	0.6	19	10	26.0	
Đạt	<b>24</b> <b>3</b>	40	20	58.8	-11.0	48	20	69.6	-1.6	49	19	72.1	-6.5	52	25	73.2	-0.6	54	27	74.0	
Cần cố gắng	<b>2</b>	2	1	2.9	1.4	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	
<b>6. Khoa học</b>	<b>34</b> <b>9</b>	68	36			69	28		-1.5	68	27		0.0	71	40		0.0	73	37		
Tốt	<b>11</b> <b>5</b>	20	12	29.4	2.4	27	12	39.1	7.3	26	14	38.2	9.7	17	14	23.9	-3.7	25	14	34.2	

Đạt	23 4	48	24	70.6	-2.4	42	16	60.9	-8.8	42	13	61.8	-9.7	54	26	76.1	3.7	48	23	65.8	
Cần cố gắng	0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	
<b>7. Công nghệ</b>	21 2	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	68	27		0.0	71	40		0.0	73	37		
Tốt	68	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	23	11	33.8	8.1	23	17	32.4	0.1	22	10	30.1	
Đạt	14 4	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	45	16	66.2	-8.1	48	23	67.6	-0.1	51	27	69.9	
Cần cố gắng	0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	
<b>8. Tin học</b>	21 2	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	68	27		0.0	71	40		0.0	73	37		100. 0
Tốt	62	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	20	9	29.4	2.3	23	18	32.4	0.1	19	8	26.0	26.0
Đạt	15 0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	48	18	70.6	-2.3	48	22	67.6	-0.1	54	29	74.0	74.0
Cần cố gắng	0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0
<b>9. Thẩm mỹ</b>	34 9	68	36			69	28		-1.5	68	27		0.0	71	40		0.0	73	37		100. 0
Tốt	97	18	12	26.5	1.1	23	13	33.3	6.1	22	11	32.4	9.5	17	14	23.9	-0.7	17	9	23.3	23.3
Đạt	25 2	50	24	73.5	-1.1	46	15	66.7	-7.6	46	16	67.6	-9.5	54	26	76.1	0.7	56	28	76.7	76.7
Cần cố gắng	0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0
<b>10. Thể chất</b>	34 9	68	36			69	28		-1.5	68	27		0.0	71	40		0.0	73	37		100. 0
Tốt	97	17	11	25.0	-0.4	20	11	29.0	3.2	26	14	38.2	12.5	17	14	23.9	-0.7	17	9	23.3	23.3
Đạt	25 2	51	25	75.0	0.4	49	17	71.0	-4.7	42	13	61.8	-12.5	54	26	76.1	0.7	56	28	76.7	76.7
Cần cố gắng	0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0
<b>III. Phẩm chất chủ yếu</b>				0.0	0.0			0.0	0.0			0.0	0.0			0.0	0.0			0.0	0.0
<b>1. Yêu nước</b>	34 9	68	36			69	28		-1.5	68	27		0.0	71	40		0.0	73	37		100. 0

Tốt	14 8	28	16	41.2	12. 6	33	16	47.8	17.5	37	18	54.4	28.7	32	22	45.1	9.7	18	10	24.7	24.7
Đạt	20 1	40	20	58.8	- 12. 6	36	12	52.2	-19.0	31	9	45.6	-28.7	39	18	54.9	-9.7	55	27	75.3	75.3
Cần cố gắng	0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0
<b>2. Nhân ái</b>	34 9	68	36			69	28		-1.5	68	27		0.0	71	40		0.0	73	37		100. 0
Tốt	14 6	28	16	41.2	12. 6	35	18	50.7	20.4	33	17	48.5	22.8	29	21	40.8	5.5	21	11	28.8	28.8
Đạt	20 3	40	20	58.8	- 12. 6	34	10	49.3	-21.9	35	10	51.5	-22.8	42	19	59.2	-5.5	52	26	71.2	71.2
Cần cố gắng	0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0
<b>3. Chăm chỉ</b>	34 9	68	36			69	28		-1.5	68	27		0.0	71	40		0.0	73	37		100. 0
Tốt	11 9	28	16	41.2	12. 6	21	10	30.4	1.6	29	14	42.6	15.5	21	17	29.6	-4.3	20	11	27.4	27.4
Đạt	23 0	40	20	58.8	- 12. 6	48	18	69.6	-3.2	39	13	57.4	-15.5	50	23	70.4	4.3	53	26	72.6	72.6
Cần cố gắng	0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0
<b>4. Trung thực</b>	34 9	68	36			69	28		-1.5	68	27		0.0	71	40		0.0	73	37		100. 0
Tốt	13 7	28	16	41.2	12. 6	31	14	44.9	14.6	33	18	48.5	24.2	26	21	36.6	7.4	19	11	26.0	26.0
Đạt	21 2	40	20	58.8	- 12. 6	38	14	55.1	-16.1	35	9	51.5	-24.2	45	19	63.4	-7.4	54	26	74.0	74.0
Cần cố gắng	0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0
<b>5. Trách nhiệm</b>	34 9	68	36			69	28		-1.5	68	27		0.0	71	40		0.0	73	37		100. 0

Tốt	<b>11</b> <b>4</b>	26	14	38.2	9.7	20	9	29.0	0.2	28	14	41.2	9.7	21	16	29.6	1.9	19	11	26.0	26.0
Đạt	<b>23</b> <b>5</b>	42	22	61.8	-9.7	49	19	71.0	-1.7	40	13	58.8	-9.7	50	24	70.4	-1.9	54	26	74.0	74.0
Cần cố gắng	<b>0</b>	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0
<b>IV. Đánh giá KQHT</b>	<b>34</b> <b>9</b>	68	36			69	28		-1.5	68	27		0.0	71	40		0.0	73	37		100. 0
- Hoàn thành xuất sắc	<b>36</b>	9	8	13.2	3.7	6	2	8.7	-0.4	7	4	10.3	1.7	6	6	8.5	-2.3	8	3	11.0	11.0
- Hoàn thành tốt	<b>42</b>	7	2	10.3	-5.6	9	5	13.0	-2.1	8	3	11.8	0.3	10	8	14.1	1.8	8	5	11.0	11.0
- Hoàn thành	<b>26</b> <b>8</b>	49	25	72.1	-1.0	54	21	78.3	2.5	53	20	77.9	-0.6	55	26	77.5	0.5	57	29	78.1	78.1
- Chưa hoàn thành	<b>3</b>	3	1	4.4	2.8	0	0	0.0	-1.5	0	0	0.0	-1.4	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0
HS được lên lớp	<b>34</b> <b>6</b>	65	35	95.6	-2.8	69	28	0.0	0	68	27	100	1	71	40	100	0	73	37	100	0
HS không được lên lớp	<b>3</b>	3	1	4.4	2.8	0	0	0	-1	0	0	0.0	-1.4	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0
<b>V. Khen thưởng</b>	<b>70</b>	8	4	11.8	- 13. 6	15	7	21.7	-2.5	15	7	22.1	2.1	16	14	22.5	-0.5	16	8	21.9	21.9
- Giấy khen cấp trường	<b>70</b>	8	4	11.8	- 13. 6	15	7	21.7	-2.5	15	7	22.1	2.1	16	14	22.5	-0.5	16	8	21.9	21.9
- Giấy khen cấp trên	<b>0</b>	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0	0	0	0.0	0.0